

Số: /BC-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2022

## BÁO CÁO

### Ước thực hiện thu NSNN, chi NSDP 6 tháng đầu năm và dự toán thu NSNN, chi NSDP 6 tháng cuối năm 2022

Trên cơ sở số liệu thu, chi ngân sách 4 tháng đầu năm 2022 để đánh giá tình hình thu ngân sách nhà nước (*viết tắt là NSNN*), chi ngân sách địa phương (*viết tắt là NSDP*) trên địa bàn để ước thực hiện 6 tháng đầu năm; dự toán thu NSNN, chi NSDP 6 tháng cuối năm 2022, Ủy ban nhân dân Tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân Tỉnh như sau:

#### A. TÌNH HÌNH THU NSNN, CHI NSDP ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM

##### I. Thu NSNN

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2022 ước thực hiện 4.198 tỷ đồng, đạt 62% so với dự toán giao đầu năm, *bằng 94% so với cùng kỳ năm 2021 (năm 2021 là 4.485 tỷ đồng)*, gồm:

a) Thu nội địa là 4.028 tỷ đồng, đạt 60%% so với dự toán giao đầu năm, *bằng 92% so với cùng kỳ năm 2021 (năm 2021 là 4.396 tỷ đồng)*; Thu nội địa (*không kể thu hoạt động xổ số kiến thiết, thu tiền sử dụng đất*) là 2.668 tỷ đồng, đạt 61% so với dự toán giao đầu năm, *bằng 96% so với cùng kỳ năm 2021 (năm 2021 là 2.774 tỷ đồng)*.

b) Thu xuất khẩu, nhập khẩu là 170 tỷ đồng, đạt 155% so với dự toán giao đầu năm, *bằng 189% so với cùng kỳ năm 2021 (năm 2021 tròn số 90 tỷ đồng)*.

Tình hình, tiến độ thu một số lĩnh vực chủ yếu 6 tháng đầu năm 2022, có 12/18 chỉ tiêu ước thực hiện đạt từ 50% dự toán giao và có 4/18 chỉ tiêu đạt dưới 50% dự toán, đối với 02/18 chỉ tiêu (*gồm: Thuế sử dụng đất nông nghiệp và Thu bán nhà thuộc sở hữu nhà nước*) do cơ quan trung ương không giao số dự toán thu chi tiết nên không có số liệu để đánh giá (*phát sinh thực tế và dự kiến thu NSNN trên địa bàn ước 6 tháng đầu năm 2022 lần lượt là 0,201 tỷ đồng và 9 triệu đồng*), cụ thể:

##### - Chỉ tiêu đạt từ 50% dự toán giao, có 12 chỉ tiêu, gồm:

(1) Thu từ khu vực doanh nghiệp quốc doanh trung ương quản lý 134 tỷ đồng, đạt 72% so với dự toán giao đầu năm (*134 tỷ đồng/185 tỷ đồng*).

(2) Thu từ khu vực doanh nghiệp quốc doanh địa phương quản lý 246 tỷ đồng, đạt 82% so với dự toán giao đầu năm (*246 tỷ đồng/300 tỷ đồng*).

(3) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là 614 tỷ đồng, đạt 65% so với dự toán giao đầu năm (614 tỷ đồng/945 tỷ đồng).

(4) Lệ phí trước bạ 191 tỷ đồng, đạt 87% so với dự toán giao đầu năm (191 tỷ đồng/220 tỷ đồng).

(5) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 5 tỷ đồng, đạt 64% so với dự toán giao đầu năm (5 tỷ đồng/8 tỷ đồng).

(6) Thuế thu nhập cá nhân 362 tỷ đồng, đạt 72% so với dự toán giao đầu năm (362 tỷ đồng/500 tỷ đồng).

(7) Thu phí, lệ phí 107 tỷ đồng, đạt 67% so với dự toán giao đầu năm (107 tỷ đồng/160 tỷ đồng).

(8) Thu tiền sử dụng đất 560 tỷ đồng, đạt 70% so với dự toán giao đầu năm (560 tỷ đồng/800 tỷ đồng), chủ yếu phát sinh số thu trên địa bàn huyện, thành phố.

(9) Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước 164 tỷ đồng, đạt 134% so với dự toán giao đầu năm (164 tỷ đồng/120 tỷ đồng), phát sinh các dự án thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả đời dự án.

(10) Thu khác ngân sách 146 tỷ đồng, đạt 59% so với dự toán giao đầu năm (146 tỷ đồng/250 tỷ đồng).

(11) Thu tại xã đạt 2 tỷ đồng, 61% so với dự toán giao đầu năm (2 tỷ đồng/3 tỷ đồng).

(12) Thu hoạt động xổ số kiến thiết 801 tỷ đồng, đạt 53% so với dự toán giao đầu năm (801 tỷ đồng/1.500 tỷ đồng).

**- Chỉ tiêu đạt dưới 50% dự toán giao, có 04 chỉ tiêu, gồm:**

(1) Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 35 tỷ đồng, đạt 47% so với dự toán giao đầu năm (35 tỷ đồng/74 tỷ đồng).

(2) Thuế bảo vệ môi trường 621 tỷ đồng, đạt 41% so với dự toán giao đầu năm (621 tỷ đồng/1.527 tỷ đồng), ảnh hưởng chính sách miễn 50% thuế bảo vệ môi trường theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội áp dụng từ ngày 01/04 đến 31/12/2022.

(3) Thu tiền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước 1 tỷ đồng, đạt 7% so với dự toán giao đầu năm (1 tỷ đồng/18 tỷ đồng).

(4) Thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế, thu hồi vốn doanh nghiệp, cổ phần hóa 40 tỷ đồng, đạt 41% so với dự toán giao đầu năm (40 tỷ đồng/99 tỷ đồng), trong đó, thu thoái vốn doanh nghiệp địa phương 39 tỷ đồng.

c) Dự toán thu NSNN trên địa bàn các huyện, thành phố 6 tháng đầu năm 2022 ước thực hiện đạt từ 50% trở lên có 11/12 địa phương; số địa phương ước đạt dưới 50% có 01/12 (TP. Hồng Ngự).

**2. Tổng thu NSDP là 7.662 tỷ đồng, gồm:**

a) Thu điều tiết NSDP được hưởng theo phân cấp 3.629 tỷ đồng.

**b)** Thu bổ sung từ ngân sách trung ương 4.009 tỷ đồng (*gồm: Thu bổ sung cân đối 3.402 tỷ đồng; Thu bổ sung có mục tiêu 607 tỷ đồng*).

**c)** Thu chuyển nguồn làm lương 0 tỷ đồng.

**d)** Thu vay của Chính phủ về cho vay lại 24 tỷ đồng.

*(Phụ lục số 1, số 3-CD, số 3-CD- kèm theo)*

**3. Đánh giá chung về tình hình thu NSNN trên địa bàn ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022**

Kinh tế những tháng đầu năm 2022 có chuyển biến tích cực mặc dù dịch Covid-19 vẫn ảnh hưởng, kinh tế địa phương phát triển tăng ở nhóm khu vực nông, thủy sản, một số chỉ tiêu thực hiện trong kỳ có mức tăng so với cùng kỳ năm trước như chỉ số sản xuất công nghiệp; tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ; tổng kim ngạch xuất khẩu (*không tính hàng tạm nhập tái xuất*). Xuất khẩu của Tỉnh tăng mạnh trong những tháng đầu năm là do sự hồi phục xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của Tỉnh sau dịch bệnh Covid-19.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp đã tận dụng tốt các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, sự nỗ lực của các cấp chính quyền trong hỗ trợ doanh nghiệp duy trì, phục hồi sản xuất kinh doanh, đẩy nhanh triển khai các dự án trên địa bàn với các nhà đầu tư đã ký kết trong thời gian qua. Từ đó, nguồn thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2022 ước thực hiện có những chỉ tiêu đạt khá so với dự toán giao đầu năm.

Tuy nhiên, nguồn thu một số khoảng tăng khá so với dự toán giao đầu năm nhưng vẫn chưa bù được khoảng giảm một số ngành, lĩnh vực; số doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ còn gặp nhiều khó khăn, doanh thu sụt giảm, dẫn đến số thuế giảm so với cùng kỳ năm 2021. Ngoài ra, trước tình hình diễn biến vẫn còn phức tạp của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu đã tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh; hàng hóa tiêu thụ chậm, giá xăng, dầu tăng,... dẫn đến một số doanh nghiệp còn khó khăn tài chính.

Đồng thời, hiện nay Chính phủ đã ban hành các Nghị định, Nghị quyết tiếp tục giảm 20% mức thuế suất/mức tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 43/2022/QH15 từ ngày 01/02/2022 đến hết ngày 31/12/2022 (*Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022*); Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình (*Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022*) chính sách miễn giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất và gia hạn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân, giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt và tiền thuê đất trong năm 2022; Giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu từ 01/4/2022 đến 31/12/2022 (*Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội*); Giảm 50% lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước (*Nghị định số 103/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021*). Từ đó, ảnh hưởng chung đến nguồn thu NSNN trên địa bàn tiếp tục khó khăn.

## II. Chi NSDP

**1.** Chi NSDP 6 tháng đầu năm 2022 ước thực hiện 6.262 tỷ đồng, đạt 45% so với dự toán giao đầu năm, *bằng 117% so với cùng kỳ năm 2021 (năm 2021 là 5.374 tỷ đồng)*; gồm: ngân sách cấp tỉnh chi 2.808 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện (kể cả cấp xã) chi 3.454 tỷ đồng. Cụ thể:

**a)** Chi đầu tư phát triển là 1.110 tỷ đồng, đạt 33% so với dự toán giao đầu năm, gồm: ngân sách cấp tỉnh chi 610 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện (kể cả cấp xã) chi 500 tỷ đồng.

**b)** Chi thường xuyên 4.424 tỷ đồng, đạt 48% so với dự toán giao đầu năm, gồm: ngân sách cấp tỉnh chi 1.504 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện (*kể cả cấp xã*) chi 2.920 tỷ đồng.

**c)** Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 02 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm.

**d)** Chi từ nguồn dự phòng ngân sách 93 tỷ đồng, đạt 34% so với dự toán giao đầu năm; chủ yếu chi phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi,...

**đ)** Chi trả lãi tiền vay 02 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm.

**e)** Chi từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện các nhiệm vụ quan trọng 6 tháng đầu năm 2022 ước thực hiện 608 tỷ đồng, đạt 50% so với dự toán giao đầu năm.

**e)** Chi đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại là 24 tỷ đồng (*lấy tròn số*).

\* Tổng chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh 1.504 tỷ đồng, có các khoản chi chủ yếu như sau:

- Chi sự nghiệp kinh tế 255 tỷ đồng, đạt 50% so với dự toán giao đầu năm.
- Chi sự nghiệp môi trường 31 tỷ đồng, đạt 50% so với dự toán giao đầu năm.
- Chi sự nghiệp khoa học công nghệ 15 tỷ đồng, đạt 48% so với dự toán giao đầu năm.

- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề 447 tỷ đồng, đạt 47% so với dự toán giao đầu năm.

- Chi sự nghiệp y tế 370 tỷ đồng, đạt 48% so với dự toán giao đầu năm.

- Chi đảm bảo xã hội 37 tỷ đồng, đạt 49% so với dự toán giao đầu năm.

- Chi an ninh - quốc phòng 70 tỷ đồng, đạt 50% so với dự toán giao đầu năm.

- Chi khác ngân sách 15 tỷ đồng, đạt 50% so với dự toán giao đầu năm.

**2.** Chi bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện 2.532 tỷ đồng (*gồm: Chi bổ sung cân đối 2.373 tỷ đồng; Chi bổ sung có mục tiêu 159 tỷ đồng*) (*Phụ lục số 2, số 3-CD, số 3-CD- kèm theo*)

**3.** Đánh giá chung tình hình chi NSDP ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022

Nhìn chung, các nhiệm vụ chi ngân sách được đảm bảo theo đúng dự toán, tiến độ triển khai của các chủ đầu tư, đơn vị sử dụng ngân sách, bổ sung cho ngân sách cho chính quyền địa phương cấp dưới, phân bổ và giao dự toán ngay những tháng đầu năm đáp ứng kịp thời yêu cầu thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, kinh phí xử lý các nhu cầu bảo đảm an sinh xã hội, phòng chống dịch bệnh, sạt lở, phát sinh đột xuất, cấp bách, những nhiệm vụ trọng tâm,...

Tuy nhiên, tình hình giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản do cấp tỉnh quản lý theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước Đồng Tháp, lũy kế giải ngân 4 tháng đầu năm 2022 đạt 10,47% dự toán; trong đó, vốn xây dựng cơ bản tập trung đạt 8,41% dự toán; nguồn vốn xổ số kiến thiết đạt 11,34% dự toán; nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu đạt 7,37% dự toán; tiến độ giải ngân vốn đầu tư so với cùng kỳ tỷ lệ giải ngân có tăng nhưng so dự toán năm 2022 tiến độ giải ngân vẫn còn chậm, chưa đạt yêu cầu; nhất là các công trình đầu tư từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung, một số chủ đầu tư cần đẩy nhanh tiến độ hơn nữa trong công tác chuẩn bị đầu tư, giải phóng mặt bằng, mới có thể kịp đưa công trình vào thi công sớm và hoàn thành theo kế hoạch, khắc phục tình trạng vốn đọng công trình, gây lãng phí lớn cho ngân sách, ảnh hưởng đến việc tăng trưởng kinh tế của Tỉnh.

Ngoài ra, yêu cầu chi cấp bách phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương, kinh phí phát sinh ngoài dự toán, kế hoạch giao đầu năm phát sinh lớn. Do đó, cũng khó khăn trong cân đối bổ sung kinh phí ngoài dự toán giao đầu năm.

## **B. DỰ TOÁN THU NSNN, CHI NSDP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022**

### **I. Thu NSNN**

1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn 6 tháng cuối năm 2022 ước thực hiện 2.702 tỷ đồng, đạt 40% so với dự giao đầu năm, gồm:

a) Thu nội địa 2.642 tỷ đồng, đạt 39% so với dự toán giao đầu năm; thu nội địa (*không kể thu hoạt động xổ số kiến thiết, thu tiền sử dụng đất*) là 1.551 tỷ đồng, so với dự toán giao đầu năm đạt 35%.

b) Thu xuất khẩu, nhập khẩu 60 tỷ đồng, đạt 55%.

2. Tổng thu NSDP là 6.597 tỷ đồng, gồm:

a) Thu điều tiết NSDP được hưởng theo phân cấp 2.385 tỷ đồng.

b) Thu bổ sung từ ngân sách trung ương 4.008 tỷ đồng (*gồm: Thu bổ sung cân đối 3.402 tỷ đồng; Thu bổ sung có mục tiêu 606 tỷ đồng*).

c) Thu chuyển nguồn làm lương 179 tỷ đồng.

d) Thu vay của Chính phủ về cho vay lại 24 tỷ đồng.

(Phụ lục số 1, số 3-CD, số 3-CD- kèm theo)

### **II. Chi NSDP**

**1.** Chi NSDP 6 tháng cuối năm 2022 ước thực hiện là 8.038 tỷ đồng, đạt 57% so với dự toán giao đầu năm, gồm: ngân sách cấp tỉnh chi 3.863 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện (kể cả cấp xã) chi 4.175 tỷ đồng. Cụ thể:

**a)** Chi đầu tư phát triển là 2.416 tỷ đồng, đạt 72% so với dự toán giao đầu năm, gồm: ngân sách cấp tỉnh chi 1.559 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện (kể cả cấp xã) chi 856 tỷ đồng.

**b)** Chi thường xuyên 4.745 tỷ đồng, đạt 52% so với dự toán giao đầu năm, gồm: ngân sách cấp tỉnh chi 1.596 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện (kể cả cấp xã) chi 3.149 tỷ đồng.

**c)** Chi từ nguồn dự phòng ngân sách 180 tỷ đồng, đạt 66% so với dự toán giao đầu năm.

**d)** Chi tạo nguồn cải cách tiền lương 66 tỷ đồng, chủ yếu chính quyền cấp huyện, thành phố chi.

**đ)** Chi từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng 606 tỷ đồng.

**e)** Chi đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại 24 tỷ đồng.

**2.** Chi bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện 2.532 tỷ đồng (gồm: Chi bổ sung cân đối 2.373 tỷ đồng; Chi bổ sung có mục tiêu 159 tỷ đồng) (Phụ lục số 2, số 3-CD, số 3-CD- kèm theo)

### **C. CÂN ĐỐI THU NSNN, CHI NSDP NĂM 2022**

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2022 công tác tổ chức, điều hành NSNN đã được triển khai tích cực, chủ động; trong điều kiện thu khó khăn, song NSNN luôn đáp ứng kịp thời các nhu cầu chi theo dự toán; đảm bảo nguồn đáp ứng kịp thời các nhu cầu chi như kinh phí cho công tác phòng, chống dịch bệnh, an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, sạt lở, phát sinh đột xuất, cấp bách, những nhiệm vụ trọng tâm,...

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành chặt chẽ của chính quyền địa phương các cấp, công tác thu NSNN đã được triển khai tích cực ngay những tháng đầu năm, triển khai thực hiện các chính sách thuế mới, sửa đổi, bổ sung, quản lý kinh tế vĩ mô của Chính phủ tạo môi trường cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh tăng trưởng; sau khi dịch Covid-19 được kiểm chế, nền kinh tế cả nước nói chung và tỉnh Đồng Tháp nói riêng đã đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh có dấu hiệu phục hồi tích cực, khởi sắc. Các doanh nghiệp quy mô lớn, sử dụng nhiều lao động cơ bản đã đi vào hoạt động ổn định, tận dụng tốt các Hiệp định thương mại tự mà Việt Nam đã ký kết, sự nỗ lực của chính quyền các cấp trong triển khai các dự án trên địa bàn, hỗ trợ doanh nghiệp duy trì phục hồi sản xuất kinh doanh. Từ đó, duy trì công tác thu, nộp thuế, các khoản thu vào NSNN, tạo điều kiện cân đối chi NSDP.

Tuy nhiên, một bộ phận doanh nghiệp có số nợ thuế phát sinh tăng do tình hình tài chính khó khăn nên chậm nộp thuế; thực hiện kê khai nộp thuế chưa đúng

quy định, khai sai, thiếu số thuế phải nộp, chây ỳ, dây dưa nợ thuế; thanh toán được nợ cũ xong, thì để phát sinh nợ mới. Nợ thuế phát sinh, số truy thu, phạt thuế lớn, nhưng do doanh nghiệp phá sản, giải thể, mất khả năng thanh toán, không có tài sản, không nắm được thông tin về tài khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng, ngân hàng, Kho bạc Nhà nước để cưỡng chế thu nợ,... nên không thu được tiền nợ thuế; Chính sách thuế thay đổi liên tục, các ngành, địa phương đã có nhiều hình thức triển khai cho doanh nghiệp, người nộp thuế nắm để thực hiện; nhưng người nộp thuế vẫn còn một số doanh nghiệp chưa thật sự quan tâm. Mặt khác, một bộ phận người dân vẫn còn tư tưởng gian lận thuế phải nộp trong chuyển nhượng bất động sản.

Theo tiến độ thu NSNN thực hiện 4 tháng đầu năm 2022, thu NSNN ước thực hiện tháng 6 đầu năm 2022, dự báo tình hình phát triển kinh tế các tháng còn lại cuối năm ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, biến đổi khí hậu, xung đột Nga và Ukraine, giá cả tăng, áp lực lạm phát, chính sách theo đuổi “Zero Covid” của Trung Quốc,... cùng các chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu cho doanh nghiệp theo chủ trương của nhà nước đã ban hành thời gian qua, sự thay đổi các chính sách thuế mới về thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, thu nhập cá nhân. Qua đó, dự kiến thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP ước thực hiện cả năm 2022 như sau:

### 1. Thu NSNN

- Thu NSNN trên địa bàn ước thực hiện cả năm 2022 là 6.900 tỷ đồng, đạt 101% so với dự toán giao đầu năm; trong đó, Thu nội địa là 6.670 tỷ đồng, đạt 99% so với dự toán giao đầu năm; thu nội địa (*không kể thu xổ số kiến thiết, tiền sử dụng đất*) là 4.219 tỷ đồng, đạt 96% so với dự toán giao đầu năm; Thu xuất khẩu, nhập khẩu 230 tỷ đồng, đạt 209% dự toán giao đầu năm.

- Thu nội địa NSDP hưởng theo phân cấp 6.014 tỷ đồng, dự kiến tăng thu khoảng 204 tỷ đồng, trong đó: ngân sách cấp tỉnh hụt thu 41 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện tăng thu khoảng 246 tỷ đồng; thu nội địa (*không kể thu xổ số kiến thiết, tiền sử dụng đất*) là 3.563 tỷ đồng, NSDP hưởng theo phân cấp tăng thu khoảng 53 tỷ đồng (*trong đó, ngân sách cấp tỉnh hụt thu khoảng 41 tỷ đồng, ngân sách huyện tăng thu khoảng 95 tỷ đồng*).

Ngân sách hụt thu chủ yếu do ảnh hưởng của dịch Covid-19 trên thế giới, chi phí đầu vào tăng, áp lực lạm phát; thực hiện các chính sách hỗ trợ về thuế, hoạt động của một bộ phận doanh nghiệp còn khó khăn, lượng hàng tiêu thụ giảm, tồn kho lớn đã tác động trực tiếp và ảnh hưởng đến thu NSNN, hụt thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước địa phương quản lý và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hụt thu 15 tỷ đồng; thuế thu nhập cá nhân hụt thu 45 tỷ đồng; thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu phần NSDP hưởng tỷ lệ 48% theo phân cấp hụt thu 244 tỷ đồng (*NSNN hụt 509 tỷ đồng*); phí, lệ phí và thu khác ngân sách phần NSDP hụt 20 tỷ đồng.

Đối với số hụt thu của ngân sách cấp tỉnh 41 tỷ đồng, dự kiến huy động các nguồn tài chính của NSDP (*cấp tỉnh*) xử lý như sau: dự phòng ngân sách cấp tỉnh, quỹ dự trữ tài chính, sắp xếp các nhiệm vụ chi thường xuyên, nguồn cải cách tiền

lượng (nếu có). Số liệu hụt thu năm 2022 và phương án xử lý hụt thu, sẽ báo cáo cụ thể cơ quan có thẩm quyền khi hết năm ngân sách 2022.

Đối với các huyện, thành phố dự kiến có tăng thu ngân sách cấp mình hưởng thực hiện trích lập tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, phần còn lại sau khi trích lập tạo nguồn cải cách tiền lương tham mưu cấp có thẩm quyền phân khai sử dụng theo chủ trương nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, thành phố nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

## **2. Chi NSDP**

**2.1.** Chi NSDP ước thực hiện cả năm 2022 là 14.300 tỷ đồng, đạt 102% so với dự toán giao đầu năm, gồm: ngân sách cấp tỉnh chi 6.670 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện (kể cả cấp xã) chi 7.629 tỷ đồng. Cụ thể:

a) Chi đầu tư phát triển là 3.526 tỷ đồng, đạt 104% so với dự toán giao đầu năm, gồm: ngân sách cấp tỉnh chi 2.170 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện (kể cả cấp xã) chi 1.356 tỷ đồng.

b) Chi thường xuyên 9.169 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm, gồm: ngân sách cấp tỉnh chi 3.100 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện (kể cả cấp xã) chi 6.069 tỷ đồng.

c) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 02 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm.

d) Dự phòng ngân sách 273 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm, gồm: ngân sách cấp tỉnh chi 135 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện (kể cả cấp xã) chi 138 tỷ đồng.

đ) Chi tạo nguồn cải cách tiền lương 66 tỷ đồng, chủ yếu ngân sách chính quyền địa phương huyện, thành phố chi.

e) Chi trả lãi tiền vay 02 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm

f) Chi từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ 1.213 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm.

g) Chi đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại 48 tỷ đồng, đạt 100% so với dự toán giao đầu năm.

**2.2.** Chi bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp huyện 5.064 tỷ đồng (gồm: bổ sung cân đối 4.746 tỷ đồng, bổ sung có mục tiêu 318 tỷ đồng)

## **D. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN HOÀN THÀNH DỰ TOÁN THU NSNN, CHI NSDP NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN**

Để đảm bảo hoàn thành dự toán thu NSNN, chi NSDP năm 2022 trên địa bàn, Ủy ban nhân dân Tỉnh yêu cầu các cơ quan liên quan, cơ quan Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phối hợp thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn góp phần cân đối chi NSDP như sau:

### **1. Thu NSNN**



- Tiếp tục tăng cường tuyên truyền với nhiều hình thức phong phú, đa dạng,... nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế; triển khai các công việc hỗ trợ người nộp thuế trong trạng thái sau dịch Covid-19; kịp thời tháo gỡ, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; tạo thuận lợi để doanh nghiệp phát triển ổn định, vững chắc, khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo cơ sở để tăng thu cho NSNN; thực hiện tốt việc miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo chủ trương của Chính phủ; có giải pháp ứng phó, tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế.

- Cải cách hiện đại hóa, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế, duy trì dịch vụ kê khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử và hóa đơn điện tử. Đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin thông suốt để hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ với NSNN từ đăng ký, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử (*qua mạng*),...; chú trọng giảm thời gian thực hiện các thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết hoàn thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ với NSNN.

- Rà soát, giám sát chặt chẽ hồ sơ khai thuế của người nộp thuế trước khi tiến hành thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế; phân tích rủi ro, tổ chức thanh tra, kiểm tra thuế theo kế hoạch được duyệt trong năm 2022; không thanh tra, kiểm tra thuế đối với các doanh nghiệp không có dấu hiệu vi phạm nhưng không để doanh nghiệp lợi dụng chủ trương hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn,... để gian lận, trốn thuế, vi phạm pháp luật thuế; có giải pháp chế tài, xử lý đối với các trường hợp vi phạm pháp luật thuế nêu trên.

- Tập trung triển khai kịp thời, hiệu quả nhóm giải pháp quản lý thu, chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, thu hồi nợ thuế; kiểm soát chặt chẽ công tác hoàn thuế giá trị gia tăng; khai thác tăng thêm nguồn thu thông qua rà soát các dự án hết thời hạn ưu đãi thuế, dự án mới phát sinh, các khoản truy thu theo kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra...nhằm thu đúng, đủ, kịp thời thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Thực hiện đồng bộ các giải pháp về hóa đơn điện tử có mã xác nhận hoặc không có mã xác nhận của cơ quan thuế theo quy định của Bộ Tài chính. Đẩy mạnh triển khai, hướng dẫn thực hiện ứng dụng thuế điện tử eTax Mobile cho hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng thiết bị di động, phấn đấu đến cuối 2022 có từ 95% hộ, cá nhân kinh doanh đang hoạt động sử dụng eTax Mobile.

- Ngành thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp tập trung thực hiện tốt công tác thu hồi nợ thuế, xử lý cưỡng chế nợ thuế đúng pháp luật, rà soát các trường hợp khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp NSNN và công tác chống thất thu thuế trên địa bàn, đặc biệt là chống thất thu chuyển nhượng bất động sản để góp phần tăng thu NSNN.

## **2. Chi NSDP**

- Các ngành, các cấp chính quyền địa phương phân đầu quyết liệt để đảm bảo cân đối NSDP, trường hợp hụt thu so với dự toán, phải chủ động sử dụng các

nguồn lực tài chính của địa phương để bù đắp (*dự phòng ngân sách, quỹ dự trữ tài chính, kết dư ngân sách, nguồn cải cách tiền lương còn dư (nếu có) và nguồn lực tài chính hợp pháp khác*); Đồng thời, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các ngành thực hiện rà soát, sắp xếp lại các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên, cắt giảm, giãn thời gian thực hiện các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết, trong đó, ưu tiên nguồn thanh toán các khoản chi về tiền lương, có tính chất lương, các khoản chi thường xuyên để đảm bảo hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị, các khoản chi an sinh xã hội, phòng chống dịch bệnh; Kho bạc Nhà nước cần kiểm soát chi chặt chẽ trong khâu giải ngân vốn ngân sách; Chi đầu tư xây dựng cơ bản các công trình quan trọng, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các ngành, các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ hơn nữa trong công tác đầu tư, giải phóng mặt bằng, đưa công trình vào thi công sớm và hoàn thành theo kế hoạch, khắc phục tình trạng vốn đọng công trình, gây lãng phí lớn cho ngân sách, ảnh hưởng đến việc tăng trưởng kinh tế của Tỉnh.

- Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Kho bạc Nhà nước theo dõi chặt chẽ biến động tồn quỹ ngân sách các cấp, điều hành đảm bảo khả năng thanh toán, chi trả của NSNN.

- Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý chặt chẽ nguồn dự phòng ngân sách đã bố trí dự toán ở từng cấp; tập trung điều hành sử dụng trong phạm vi 50% nguồn dự phòng ngân sách đã bố trí trong dự toán của từng cấp để xử lý nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, cấp bách khác; nguồn dự phòng ngân sách còn lại chủ động xử lý phòng, chống dịch bệnh, sạt lở, thiên tai, giảm thu,...

- Các ngành, các cấp tổ chức tốt công tác đánh giá tình hình ước thực hiện thu NSNN, chi NSDP năm 2022, làm nền tảng xây dựng dự toán thu, chi ngân sách năm 2023, thể hiện đầy đủ các nhiệm vụ thu NSNN, chi NSDP để làm việc, bảo vệ dự toán với Bộ Tài chính và trình Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết nghị./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Tỉnh ủy (báo cáo);
- HĐND Tỉnh (báo cáo);
- Các Ban thuộc HĐND Tỉnh;
- Các đại biểu HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT/UBND Tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Cục Thuế Tỉnh;
- Cục Hải quan Tỉnh;
- KBNN Tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT/HSi.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Trí Quang**

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**  
**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 123/BC-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính : Triệu đồng

SỐ TT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM 2022	ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022						DỰ TOÁN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022					
			Tổng thu NSNN	% so với dự toán 2022	NSTW hưởng	NSDP HƯỞNG			Tổng thu NSNN	% so với dự toán 2022	NSTW hưởng	NSDP HƯỞNG		
						Tổng số	NS tỉnh	NS huyện				Tổng số	NS tỉnh	NS huyện
1	2	3=4+5	4=6+7	5=4/3	6	7=8+9	8	9	10=12+13	11=10/3	12	13=14+15	14	15
<b>A</b>	<b>Thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>6,818,777</b>	<b>4,197,741</b>	<b>61.56</b>	<b>569,000</b>	<b>3,628,741</b>	<b>2,038,711</b>	<b>1,590,030</b>	<b>2,702,259</b>	<b>39.63</b>	<b>317,000</b>	<b>2,385,259</b>	<b>1,409,962</b>	<b>975,297</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>6,708,777</b>	<b>4,027,741</b>	<b>60.04</b>	<b>399,000</b>	<b>3,628,741</b>	<b>2,038,711</b>	<b>1,590,030</b>	<b>2,642,259</b>	<b>39.39</b>	<b>257,000</b>	<b>2,385,259</b>	<b>1,409,962</b>	<b>975,297</b>
	<i>Trong đó thu nội địa không kể tiền SDD, XSKT</i>	<b>4,408,777</b>	<b>2,667,515</b>	<b>60.50</b>	<b>399,000</b>	<b>2,268,515</b>	<b>1,227,196</b>	<b>1,041,319</b>	<b>1,551,485</b>	<b>35.19</b>	<b>257,000</b>	<b>1,294,485</b>	<b>621,477</b>	<b>673,008</b>
1	Thu từ DNQDTW quản lý	185,000	133,583	72		133,583	133,583		112,418	61		112,418	112,418	
2	Thu từ DNQDDP quản lý	300,000	245,568	82		245,568	245,568		42,432	14		42,432	42,432	
3	Thu từ khu vực ĐTNN	74,000	34,885	47		34,885	34,885		36,114	49		36,114	36,114	
4	Thu từ khu vực kinh tế NQD	945,000	613,892	65		613,892	58,076	555,816	486,108	51		486,108	30,800	455,308
5	Lệ phí trước bạ	220,000	190,668	87		190,668		190,668	52,332	24		52,332		52,332
6	Thuế sd đất nông nghiệp		201			201		201	2			2		2
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8,000	5,124	64		5,124		5,124	3,876	48		3,876		3,876
8	Thuế thu nhập cá nhân	500,000	362,140	72		362,140	362,140		92,860	19		92,860	92,860	
9	Thu phí xăng, dầu, thuế bảo vệ môi trường	1,527,000	621,429	41	323,000	298,429	298,429		396,571	26	206,000	190,571	190,571	
10	Thu phí, lệ phí	160,000	106,821	67	33,000	73,821	29,821	44,000	51,179	32	16,000	35,179	3,179	32,000
11	Tiền sử dụng đất	800,000	559,711	70		559,711	11,000	548,711	391,289	49		391,289	89,000	302,289
12	Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	120,000	163,678	136		163,678		163,678	90,322	75		90,322	1,000	89,322
13	Thu bán nhà thuộc sở hữu nhà nước		9			9	9		11			11	11	
14	Thu khác ngân sách	250,000	146,346	59	43,000	103,346	23,346	80,000	107,654	43	35,000	72,654	33,654	39,000
15	Thu tiền CQ khai thác khoáng sản	18,000	1,197	7		1,197	1,197		19,803	110		19,803	19,803	
16	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại	98,777	40,142	41		40,142	40,142		58,635	59		58,635	58,635	
-	<i>Trong đó: thu CPH, thoái vốn DNNNDP</i>	<i>38,777</i>	<i>38,777</i>	<i>100</i>		<i>38,777</i>	<i>38,777</i>							
17	Thu tại xã	3,000	1,832	61		1,832		1,832	1,168	39		1,168		1,168
18	Thu xổ số kiến thiết	1,500,000	800,515	53		800,515	800,515		699,485			699,485	699,485	
<b>II</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>	<b>110,000</b>	<b>170,000</b>	<b>155</b>	<b>170,000</b>				<b>60,000</b>	<b>55</b>	<b>60,000</b>			
<b>B</b>	<b>Thu bổ sung từ NSTW</b>	<b>8,016,985</b>	<b>4,008,985</b>	<b>50</b>		<b>4,008,985</b>	<b>4,008,985</b>		<b>4,008,000</b>	<b>50</b>		<b>4,008,000</b>	<b>4,008,000</b>	
<b>I</b>	<b>Bổ sung cân đối</b>	<b>6,803,512</b>	<b>3,401,512</b>	<b>50</b>		<b>3,401,512</b>	<b>3,401,512</b>		<b>3,402,000</b>	<b>50</b>		<b>3,402,000</b>	<b>3,402,000</b>	
<b>II</b>	<b>Bổ sung có mục tiêu</b>	<b>1,213,473</b>	<b>607,473</b>	<b>50</b>		<b>607,473</b>	<b>607,473</b>		<b>606,000</b>			<b>606,000</b>	<b>606,000</b>	
1	Mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng (vốn XDCB)	1,127,000	564,000			564,000	564,000		563,000			563,000	563,000	
2	Bổ sung thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng(vốn sự nghiệp)	86,473	43,473			43,473	43,473		43,000			43,000	43,000	
3	Bổ sung khác													
<b>C</b>	<b>Thu chuyển nguồn làm lương năm trước chuyển sang</b>	<b>179,391</b>							<b>179,391</b>			<b>179,391</b>	<b>179,391</b>	
<b>D</b>	<b>Thu vay từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại</b>	<b>48,300</b>	<b>24,300</b>			<b>24,300</b>	<b>24,300</b>		<b>24,000</b>			<b>24,000</b>	<b>24,000</b>	
	<b>TỔNG CỘNG (A+B+C+D)</b>	<b>15,063,453</b>	<b>8,231,026</b>		<b>569,000</b>	<b>7,662,026</b>	<b>6,071,996</b>	<b>1,590,030</b>	<b>6,913,650</b>		<b>317,000</b>	<b>6,596,650</b>	<b>5,621,353</b>	<b>975,297</b>

## ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 123/BC-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính : Triệu đồng

SỐ TT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN NĂM 2022			ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM				DỰ TOÁN 6 THÁNG CUỐI NĂM					
		Tổng chi NSDP	Chi NS tỉnh	Chi NS huyện, xã	Tổng chi NSDP	Tỷ trọng	% so với DT 2022	Chi NS tỉnh	Chi NS huyện, xã	Tổng chi NSDP	Tỷ trọng	% so với DT 2022	Chi NS tỉnh	Chi NS huyện, xã
1	2	3=4+5	4	5	6=9+10	7	8=6/3	9	10	11=14+15	12	13=11/3	14	15
	<b>Tổng chi (A+B+C)</b>	<b>14.054,453</b>	<b>6.670,716</b>	<b>7.383,737</b>	<b>6.262,328</b>	<b>100</b>	<b>45</b>	<b>2.807,880</b>	<b>3.454,448</b>	<b>8.037,673</b>	<b>100</b>	<b>57.19</b>	<b>3.862,837</b>	<b>4.174,836</b>
<b>A</b>	<b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>12.792,680</b>	<b>5.408,943</b>	<b>7.383,737</b>	<b>5.630,906</b>	<b>90</b>	<b>44</b>	<b>2.176,458</b>	<b>3.454,448</b>	<b>7.407,321</b>	<b>92</b>	<b>57.90</b>	<b>3.232,485</b>	<b>4.174,836</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3,374,957</b>	<b>2,169,711</b>	<b>1,205,246</b>	<b>1,110,183</b>	<b>18</b>	<b>33</b>	<b>610,226</b>	<b>499,957</b>	<b>2,415,774</b>	<b>30</b>	<b>71.58</b>	<b>1,559,485</b>	<b>856,289</b>
1	Chi XDCB tập trung	1,036,180	530,934	505,246	311,180	5	30	159,934	151,246	725,000	9	70	371,000	354,000
2	Chi XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất	800,000	100,000	700,000	359,711	6	45	11,000	348,711	591,289	7	74	89,000	502,289
3	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT	1,500,000	1,500,000		400,515			400,515		1,099,485			1,099,485	
4	Chi đầu tư từ nguồn thu CPH, thoái vốn DNĐP	38,777	38,777		38,777			38,777						
<b>II</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>9,140,657</b>	<b>3,100,034</b>	<b>6,040,623</b>	<b>4,423,657</b>	<b>71</b>	<b>48</b>	<b>1,504,034</b>	<b>2,919,623</b>	<b>4,745,365</b>	<b>59</b>	<b>52</b>	<b>1,596,000</b>	<b>3,149,365</b>
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>1,709,255</b>	<b>509,599</b>	<b>1,199,656</b>	<b>854,255</b>	<b>14</b>	<b>50</b>	<b>254,599</b>	<b>599,656</b>	<b>883,365</b>	<b>11</b>	<b>52</b>	<b>255,000</b>	<b>628,365</b>
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp hoạt động môi trường</b>	<b>133,115</b>	<b>62,000</b>	<b>71,115</b>	<b>66,115</b>	<b>1</b>	<b>50</b>	<b>31,000</b>	<b>35,115</b>	<b>67,000</b>	<b>1</b>	<b>50</b>	<b>31,000</b>	<b>36,000</b>
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa</b>	<b>5,566,019</b>	<b>1,908,435</b>	<b>3,657,584</b>	<b>2,637,019</b>		<b>47</b>	<b>908,435</b>	<b>1,728,584</b>	<b>2,929,000</b>		<b>53</b>	<b>1,000,000</b>	<b>1,929,000</b>
a	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	31,000	31,000		15,000		48	15,000		16,000		52	16,000	
b	Chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề	4,090,257	954,435	3,135,822	1,915,257	31	47	447,435	1,467,822	2,175,000	27	53	507,000	1,668,000
c	Chi sự nghiệp y tế	770,000	770,000		370,000		48	370,000		400,000		52	400,000	
d	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	77,843	40,000	37,843	38,843			20,000	18,843	39,000			20,000	19,000
e	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	41,920	14,000	27,920	20,920			7,000	13,920	21,000			7,000	14,000
f	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	37,960	24,000	13,960	18,960			12,000	6,960	19,000			12,000	7,000
g	Chi đảm bảo xã hội	517,039	75,000	442,039	258,039			37,000	221,039	259,000			38,000	221,000
<b>4</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>1,356,350</b>	<b>450,000</b>	<b>906,350</b>	<b>678,350</b>	<b>11</b>	<b>50</b>	<b>225,000</b>	<b>453,350</b>	<b>678,000</b>	<b>8</b>	<b>50</b>	<b>225,000</b>	<b>453,000</b>
<b>5</b>	<b>Chi an ninh - quốc phòng</b>	<b>317,623</b>	<b>140,000</b>	<b>177,623</b>	<b>158,623</b>		<b>50</b>	<b>70,000</b>	<b>88,623</b>	<b>159,000</b>		<b>50</b>	<b>70,000</b>	<b>89,000</b>
<b>6</b>	<b>Chi khác ngân sách</b>	<b>58,295</b>	<b>30,000</b>	<b>28,295</b>	<b>29,295</b>		<b>50</b>	<b>15,000</b>	<b>14,295</b>	<b>29,000</b>		<b>50</b>	<b>15,000</b>	<b>14,000</b>
<b>III</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>		<b>2,000</b>			<b>2,000</b>						
<b>IV</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>273,066</b>	<b>135,198</b>	<b>137,868</b>	<b>93,066</b>			<b>58,198</b>	<b>34,868</b>	<b>180,000</b>			<b>77,000</b>	<b>103,000</b>
<b>V</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>									<b>66,182</b>	<b>1</b>			<b>66,182</b>
<b>VI</b>	<b>Chi trả lãi tiền vay</b>	<b>2,000</b>	<b>2,000</b>		<b>2,000</b>			<b>2,000</b>						
<b>B</b>	<b>Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu</b>	<b>1,213,473</b>	<b>1,213,473</b>		<b>607,722</b>		<b>50</b>	<b>607,722</b>		<b>605,752</b>		<b>50</b>	<b>605,752</b>	
<b>I</b>	Chi thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng (kinh phí xây dựng cơ bản)	1,127,000	1,127,000		564,000			564,000		563,000			563,000	
<b>II</b>	Chi thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng (kinh phí sự nghiệp)	86,473	86,473		43,722			43,722		42,752			42,752	
<b>C</b>	<b>Chi đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại</b>	<b>48,300</b>	<b>48,300</b>		<b>23,700</b>			<b>23,700</b>		<b>24,600</b>			<b>24,600</b>	

**CÂN ĐỐI ƯỚC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022****(Không kể thu chi điều chỉnh giữa các cấp ngân sách địa phương)***(Kèm theo Báo cáo số 123/BC-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)***Đơn vị tính: Triệu đồng**

<b>SỐ TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Cộng</b>	<b>NST</b>	<b>NSH</b>
<b>A</b>	<b>Tổng thu ngân sách địa phương:</b>	<b>14,258,677</b>	<b>11,693,350</b>	<b>2,565,327</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP 6 tháng đầu năm:</b>	<b>7,662,026</b>	<b>6,071,996</b>	<b>1,590,030</b>
<u>1</u>	<u>Thu điều tiết và thu cố định</u>	<u>3,628,741</u>	<u>2,038,711</u>	<u>1,590,030</u>
	<i>Trong đó: thu tiền sử dụng đất</i>	<i>559,711</i>	<i>11,000</i>	<i>548,711</i>
	<i>Thu xổ số kiến thiết</i>	<i>800,515</i>	<i>800,515</i>	
<u>2</u>	<u>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</u>	<u>4,008,985</u>	<u>4,008,985</u>	
<u>3</u>	<u>Thu chuyên nguồn làm lương từ năm trước</u>			
<u>4</u>	<u>Thu vay (nếu có)</u>	<u>24,300</u>	<u>24,300</u>	
<b>II</b>	<b>Ước thực hiện thu NSDP 6 tháng cuối năm:</b>	<b>6,596,650</b>	<b>5,621,353</b>	<b>975,297</b>
<u>1</u>	<u>Thu điều tiết và thu cố định</u>	<u>2,385,259</u>	<u>1,409,962</u>	<u>975,297</u>
	<i>Trong đó: thu tiền sử dụng đất</i>	<i>391,289</i>	<i>89,000</i>	<i>302,289</i>
	<i>Thu xổ số kiến thiết</i>	<i>699,485</i>	<i>699,485</i>	
<u>2</u>	<u>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</u>	<u>4,008,000</u>	<u>4,008,000</u>	
<u>3</u>	<u>Thu chuyên nguồn làm lương từ năm trước</u>	<u>179,391</u>	<u>179,391</u>	
<u>4</u>	<u>Thu vay (nếu có)</u>	<u>24,000</u>	<u>24,000</u>	
<b>B</b>	<b>Tổng chi ngân sách địa phương:</b>	<b>14,300,000</b>	<b>6,670,716</b>	<b>7,629,284</b>
<b>I</b>	<b>Chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm:</b>	<b>6,262,328</b>	<b>2,807,880</b>	<b>3,454,448</b>
<u>1</u>	<u>Chi đầu tư phát triển</u>	<u>1,110,183</u>	<u>610,226</u>	<u>499,957</u>
a	Chi XD CB vốn trong nước	311,180	159,934	151,246
b	Chi XD CB từ nguồn thu tiền sử dụng đất	359,711	11,000	348,711
c	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT	400,515	400,515	
d	Chi đầu tư từ nguồn thu CPH, thoái vốn DNĐP	38,777	38,777	
<u>2</u>	<u>Chi thường xuyên</u>	<u>4,423,657</u>	<u>1,504,034</u>	<u>2,919,623</u>
<u>3</u>	<u>Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu</u>	<u>607,722</u>	<u>607,722</u>	
a	<i>Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ (XD CB)</i>	<i>564,000</i>	<i>564,000</i>	
b	<i>Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ (sự nghiệp)</i>	<i>43,722</i>	<i>43,722</i>	
c	<i>Chi bổ sung khác</i>			
<u>4</u>	<u>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</u>	<u>2,000</u>	<u>2,000</u>	
<u>5</u>	<u>Dự phòng ngân sách</u>	<u>93,066</u>	<u>58,198</u>	<u>34,868</u>
<u>6</u>	<u>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</u>			
<u>7</u>	<u>Chi trả lãi tiền vay</u>	<u>2,000</u>	<u>2,000</u>	
<u>8</u>	<u>Chi đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại</u>	<u>23,700</u>	<u>23,700</u>	
<u>9</u>	<u>Chi bổ sung cho NS huyện, thành phố</u>			
	<b>Chênh lệch thu chi 6 tháng đầu năm</b>	<b>1,399,699</b>	<b>3,264,117</b>	<b>-1,864,418</b>
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách địa phương 6 tháng cuối năm:</b>	<b>8,037,673</b>	<b>3,862,837</b>	<b>4,174,836</b>
<u>1</u>	<u>Chi đầu tư phát triển</u>	<u>2,415,774</u>	<u>1,559,485</u>	<u>856,289</u>
a	Chi XD CB vốn trong nước	725,000	371,000	354,000
b	Chi XD CB từ nguồn thu tiền sử dụng đất	591,289	89,000	502,289
c	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT	1,099,485	1,099,485	
d	Chi đầu tư từ nguồn thu CPH, thoái vốn DNĐP			
<u>2</u>	<u>Chi thường xuyên</u>	<u>4,745,365</u>	<u>1,596,000</u>	<u>3,149,365</u>
<u>3</u>	<u>Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu</u>	<u>605,752</u>	<u>605,752</u>	
a	<i>Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ (XD CB)</i>	<i>563,000</i>	<i>563,000</i>	
b	<i>Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ (sự nghiệp)</i>	<i>42,752</i>	<i>42,752</i>	
c	<i>Chi bổ sung khác</i>			
<u>4</u>	<u>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</u>			
<u>5</u>	<u>Dự phòng ngân sách</u>	<u>180,000</u>	<u>77,000</u>	<u>103,000</u>
<u>6</u>	<u>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</u>	<u>66,182</u>		<u>66,182</u>
<u>7</u>	<u>Chi trả lãi tiền vay</u>			
<u>8</u>	<u>Chi đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại</u>	<u>24,600</u>	<u>24,600</u>	
<u>9</u>	<u>Chi bổ sung cho NS huyện, thành phố</u>			
	<b>Cân đối thu-chi</b>	<b>-41,323</b>	<b>5,022,634</b>	<b>-5,063,957</b>

**CÂN ĐỐI ƯỚC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 123/BC-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	CỘNG	NGÂN SÁCH TỈNH	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
<b>A</b>	<b>Tổng thu ngân sách địa phương:</b>	<b>19,322,634</b>	<b>11,693,350</b>	<b>7,629,284</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP 6 tháng đầu năm:</b>	<b>10,193,983</b>	<b>6,071,996</b>	<b>4,121,987</b>
1	Thu điều tiết và thu cố định	3,628,741	2,038,711	1,590,030
	Trong đó: thu tiền sử dụng đất	559,711	11,000	548,711
	Thu xổ số kiến thiết	800,515	800,515	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6,540,942	4,008,985	2,531,957
3	Thu chuyển nguồn làm lương từ năm trước	-	-	-
4	Thu vay (nếu có)	24,300	24,300	-
<b>II</b>	<b>Ước thực hiện thu NSDP 6 tháng cuối năm:</b>	<b>9,128,650</b>	<b>5,621,353</b>	<b>3,507,297</b>
1	Thu điều tiết và thu cố định	2,385,259	1,409,962	975,297
	Trong đó: thu tiền sử dụng đất	391,289	89,000	302,289
	Thu xổ số kiến thiết	699,485	699,485	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6,540,000	4,008,000	2,532,000
3	Thu chuyển nguồn làm lương từ năm trước	179,391	179,391	-
4	Thu vay (nếu có)	24,000	24,000	-
<b>B</b>	<b>Tổng chi ngân sách địa phương:</b>	<b>19,363,957</b>	<b>11,734,673</b>	<b>7,629,284</b>
<b>I</b>	<b>Chi ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm:</b>	<b>8,794,285</b>	<b>5,339,837</b>	<b>3,454,448</b>
1	Chi đầu tư phát triển	1,110,183	610,226	499,957
a	Chi XD CB vốn trong nước	311,180	159,934	151,246
b	Chi XD CB từ nguồn thu tiền sử dụng đất	359,711	11,000	348,711
c	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT	400,515	400,515	
d	Chi đầu tư từ nguồn thu CPH, thoái vốn DNĐP	38,777	38,777	
2	Chi thường xuyên	4,423,657	1,504,034	2,919,623
3	Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu	607,722	607,722	-
a	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ (XD CB)	564,000	564,000	
b	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ (sự nghiệp)	43,722	43,722	
c	Chi bổ sung khác			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2,000	2,000	-
5	Dự phòng ngân sách	93,066	58,198	34,868
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	-
7	Chi trả lãi tiền vay	2,000	2,000	-
8	Chi đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại	23,700	23,700	-
9	Chi bổ sung cho NS huyện, thành phố	2,531,957	2,531,957	-
	<b>Chênh lệch thu chi 6 tháng đầu năm</b>	<b>1,399,699</b>	<b>732,160</b>	<b>667,539</b>
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách địa phương 6 tháng cuối năm:</b>	<b>10,569,673</b>	<b>6,394,837</b>	<b>4,174,836</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2,415,774	1,559,485	856,289
a	Chi XD CB vốn trong nước	725,000	371,000	354,000
b	Chi XD CB từ nguồn thu tiền sử dụng đất	591,289	89,000	502,289
c	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT	1,099,485	1,099,485	
d	Chi đầu tư từ nguồn thu CPH, thoái vốn DNĐP			
2	Chi thường xuyên	4,745,365	1,596,000	3,149,365
3	Chi từ nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu	605,752	605,752	-
a	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ (XD CB)	563,000	563,000	
b	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ (sự nghiệp)	42,752	42,752	
c	Chi bổ sung khác			
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-	-
5	Dự phòng ngân sách	180,000	77,000	103,000
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	66,182	-	66,182
7	Chi trả lãi tiền vay	-	-	-
8	Chi đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại	24,600	24,600	-
9	Chi bổ sung cho NS huyện, thành phố	2,532,000	2,532,000	-
	<b>Cân đối thu-chi</b>	<b>-41,323</b>	<b>-41,323</b>	<b>-</b>